

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

TRƯỜNG CÔNG BÌNH

**PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC  
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**  
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

*Chuyên ngành:* Luật hình sự và tố tụng hình sự  
*Mã số:* 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN KHẮC HẢI**

*Phản biện 1: .....*

*Phản biện 2: .....*

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

*Trang*

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các bảng	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC</b> .....	9
<b>1.1. Khái niệm và các đặc điểm của phạm tội có tổ chức</b> .....	9
1.1.1. Khái niệm phạm tội có tổ chức.....	9
1.1.2. Các đặc điểm của phạm tội có tổ chức .....	25
<b>1.2. Lịch sử hình thành và phát triển những quy định về phạm tội có tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam</b> .....	31
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985.....	31
1.2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985.....	33
<b>1.3. Kinh nghiệm một số quốc gia trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức</b> .....	34
1.3.1. Kinh nghiệm của Liên bang Nga trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức.....	34
1.3.2. Kinh nghiệm của Trung quốc trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức .....	39
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ĐẤU TRANH CHỐNG PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC</b> .....	46
<b>2.1. Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tổ chức</b> ....	46
2.1.1. Những quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự hiện hành.....	46
2.1.2. Văn bản hướng dẫn thi hành các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự hiện hành.....	54
<b>2.2. Thực tiễn điều tra, xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk</b> .....	58

2.2.1. Thực tiễn điều tra các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	58
2.2.2. Thực tiễn xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	61
<b>2.3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân làm giảm hiệu quả điều tra, xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .....</b>	<b>69</b>
2.3.1. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân từ pháp luật thực định.....	69
2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong điều tra .....	71
2.3.3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong xét xử.....	75
<b>Chương 3: NHỮNG CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM .....</b>	<b>78</b>
<b>3.1. Những cơ sở hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự Việt Nam .....</b>	<b>78</b>
3.1.1. Cơ sở pháp lý quốc tế .....	78
3.1.2. Cơ sở thực tiễn quốc tế .....	83
3.1.3. Cơ sở pháp lý và thực tiễn của Việt Nam.....	89
<b>3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự.....</b>	<b>92</b>
3.2.1. Kiến nghị tại phần chung của Bộ luật hình sự.....	93
3.2.2. Kiến nghị tại phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.....	98
<b>3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh chống phạm tội có tổ chức .....</b>	<b>99</b>
3.3.1. Giải pháp đối với công tác điều tra.....	100
3.3.2. Giải pháp đối với công tác xét xử.....	102
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>105</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>107</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Phần lớn các quốc gia trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam sử dụng luật hình sự như là công cụ hiệu quả để đấu tranh chống tội phạm được thực hiện dưới hình thức “có tổ chức”, tuy rằng cách quy định về dấu hiệu này ở các quốc gia lại có những khác biệt.

Với tính chất là một dạng đồng phạm đặc biệt, thể hiện sự nguy hiểm cao bởi một nhóm người có sự câu kết chặt chẽ thông qua chính cơ cấu tổ chức (băng, nhóm, tổ chức, liên minh ...) và sự bàn bạc, tính toán, phân công, lên kế hoạch nhằm thực hiện tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức đã xuất hiện từ khá lâu trong lịch sử lập pháp hình sự của Việt Nam, được đề cập lần đầu tiên trong Thông tư số 442/TTG ngày 19/11/1955 của Thủ tướng Chính phủ về việc trừng trị một số tội phạm. Cho đến nay, phạm tội có tổ chức được ghi nhận trong Bộ luật hình sự năm 1999 với tính chất là “ hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm”.

*Về mặt lý luận luật hình sự*, còn có nhiều ý kiến khác nhau về bản chất pháp lý của khái niệm phạm tội có tổ chức. Còn nhiều luồng quan điểm trái chiều liên quan đến cách hiểu về dạng đồng phạm đặc biệt này – phạm tội có tổ chức.

*Về mặt lập pháp hình sự*, khó khăn gặp phải là hệ thống pháp luật hiện nay chưa bảo đảm được công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, thiếu đồng bộ và việc sửa đổi bổ sung còn chậm, chưa bắt kịp với xu thế đang diễn ra. Chính vì thế, pháp luật hình sự nước ta chưa có một cơ chế thực sự để điều chỉnh trường hợp này

*Trên phương diện thực tiễn*, việc áp dụng những quy định về phạm tội có tổ chức đã gặp phải những vướng mắc như thế nào là sự câu kết chặt chẽ. Đối với công tác điều tra, phần lớn các báo cáo của cơ quan công an các tỉnh thành, trong đó có tỉnh Đắk Lắk, thể hiện các trường hợp phạm tội có tổ chức bằng cách diễn đạt khác, đó là tổ chức tội phạm, băng, ổ, phạm

tội theo kiểu “xã hội đen”... gây mất thống nhất với các báo cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng khác như Viện Kiểm sát hay Tòa án. Về công tác xét xử, do nhận thức về bản chất pháp lý của khái niệm phạm tội có tổ chức còn chưa thống nhất, nên các Tòa án nói chung và các tòa tại tỉnh Đắk Lắk nói riêng, đã phạm sai lầm khi kết luận đồng phạm có thông mưu trước thông thường là phạm tội có tổ chức hoặc ngược lại vụ án có tổ chức lại kết luận là đồng phạm thông thường. Hoặc có những bản án tuy không có dấu hiệu sai phạm về mặt áp dụng pháp luật, nhưng việc quy định chưa rõ nghĩa về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự đã cho thấy sự bất hợp lý giữa việc áp dụng pháp luật hình sự vào thực tiễn là chưa phản ánh chính xác được “tính có tổ chức” của vụ án, chưa rõ ràng của sự “câu kết chặt chẽ” theo tinh thần điều luật quy định về phạm tội có tổ chức, cũng như trong nhiều trường hợp chưa phân định rõ được vai trò trong các vụ án phạm tội có tổ chức cho nên việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhiều khi bị đánh đồng, chưa lượng hóa được hình phạt phù hợp với vai trò và các tình tiết của vụ án đối với từng bị can.

*Trên phương diện thực hiện cam kết quốc tế*, Việt Nam đã ký tham gia Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm xuyên quốc gia vào tháng 12 năm 2000, phê chuẩn công ước này vào ngày 29 tháng 12 năm 2011. Để bảo đảm cam kết của Việt Nam đối với Công ước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước vào ngày 18 tháng 4 năm 2013. Những quốc gia tham gia công ước, trong đó có Việt Nam, có nghĩa vụ tội phạm hoá hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức. Tuy nhiên trong Bộ luật hình sự Việt Nam chưa quy định về tổ chức tội phạm cũng như chưa có quy định về hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức (tổ chức tội phạm). Vì vậy, để có cơ sở pháp lý đấu tranh chống hình thức phạm tội nguy hiểm này và thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là thành viên của Công ước thì việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Bộ luật hình sự, đặc biệt là các quy định về tổ chức tội phạm và hành vi tham gia vào tổ chức này là rất cần thiết.

Những luận điểm nêu trên đã chứng tỏ lý do nghiên cứu đề tài

**“Phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam”** (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk) là quan trọng và cấp thiết trong việc hoàn thiện pháp luật hình sự để đấu tranh chống và phòng ngừa loại tội phạm nguy hiểm này tại Việt Nam.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Đồng phạm cũng như phạm tội có tổ chức là những vấn đề có nội dung phong phú và phức tạp được các luật gia và các nhà nghiên cứu luật quan tâm chú ý và đề cập đến trong những công trình nghiên cứu của mình dưới góc độ luật hình sự, tội phạm học hoặc xã hội học pháp luật.

Hiện nay, ở nước ta có rất nhiều cách tiếp cận, nghiên cứu vấn đề đồng phạm có tổ chức dưới các góc độ khác nhau ở mức chuyên sâu hoặc khái quát hóa đã được công bố trên các sách, tạp chí, luận văn luận án. Nhưng tựu chung lại thì các nghiên cứu chủ yếu theo ba xu hướng đó là: tiếp cận dưới góc độ tội phạm học, luật hình sự và theo sự xuất hiện các vấn đề mới của xã hội. Dưới góc độ khoa học luật hình sự đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu về phạm tội có tổ chức, có thể kể ra đây một số công trình tiêu biểu của các tác giả như: GS.TSKH Lê Cẩm với tập sách “Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung BLHS” (NXB Công an nhân dân, 2000) đã đề cập đến chế định đồng phạm trong đó có nói đến phạm tội có tổ chức, sách “Đồng phạm trong luật Hình sự Việt Nam” của TS.Trần Quang Tiệp (NXB Tư Pháp, 2007) với nội dung trình bày về khái niệm đồng phạm, các loại người đồng phạm, các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Mặt khác, có một số bài viết, đề tài tập trung phân tích trường hợp phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam, chẳng hạn như bài “Phạm tội có tổ chức và trách nhiệm hình sự đối với bọn phạm tội có tổ chức” của tác giả Nguyễn Vạn Nguyên, hay đề tài luận văn cao học của Nguyễn Minh Đức “Hình thức phạm tội có tổ chức trong chế định đồng phạm theo pháp luật Hình sự Việt Nam”. Tiếp cận vấn đề ở góc độ tội phạm học là một số bài viết của các tác giả nói đến vấn đề đồng phạm có tổ chức với tư cách là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội ở những khía cạnh khác nhau. Đó là các bài viết như: “Vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm

hình sự pháp nhân trong sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999” của GS.TS.Hồ Trọng Ngũ đăng trên tạp chí Lập pháp số 6/2009, bài nghiên cứu “Đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức và tội phạm xuyên quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế” của PGS.TS Trần Hữu Ứng đăng trên tạp chí Cộng sản điện tử, hoặc loạt bài viết của TS.Nguyễn Khắc Hải: “Đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức theo pháp luật hình sự Liên bang Nga” trong tạp chí Khoa học – ĐHQG Hà Nội số 23/2007, “Nhận diện tội phạm có tổ chức” (Kỷ yếu hội thảo khoa học về sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999) đã tạo ra những nhận thức cơ bản trong việc tìm hiểu về đồng phạm có tổ chức. Thêm vào đó, có khá nhiều các nghiên cứu về đồng phạm có tổ chức với tư cách là vấn đề mới của xã hội. Đầu tiên phải kể đến cuốn sách mang tên “Tội phạm có tổ chức – lịch sử và vấn đề hôm nay” của GS.TS.Hồ Trọng Ngũ trả lời cho câu hỏi: “tội phạm có tổ chức – nhận thức mới hay hiện tượng xã hội mới?”, bài viết “Tội phạm có tổ chức và việc bổ sung chế định tổ chức tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam” của TS.Lê Thị Sơn trong tạp chí Luật học số 12/2012, đề tài luận án của TS.Nguyễn Trung Thành “Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống” đề cập chi tiết đến trường hợp đồng phạm có tổ chức ở cả góc độ khoa học luật hình sự và tội phạm học. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã đề cập trên một số góc độ về trường hợp phạm tội có tổ chức, nhưng việc giải thích chi tiết trường hợp phạm tội có tổ chức về mặt cơ cấu và hoạt động của nó cũng như một số hình thức thực hiện tội phạm mới liên quan đến đồng phạm có tổ chức vẫn đang là một vấn đề còn bỏ ngỏ. Vì thế, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đất nước nói chung và tại Đắk Lắk nói riêng xung quanh phạm tội có tổ chức vẫn đang là điều cần được nghiên cứu để sửa đổi, và hoàn thiện.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó – *Phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*.



### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam dưới góc độ pháp lý hình sự, khái quát lịch sử hình thành và phát triển về các quy định về phạm tội có tổ chức từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Ngoài ra, luận văn còn phân tích thực tiễn điều tra, xét xử tại Đắk Lắk (2009-2014), đồng thời có so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

## **4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***4.1. Mục đích nghiên cứu***

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách tương đối có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản về phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn điều tra, xét xử tại Đắk Lắk, từ đó rút ra những tồn tại, bất cập để đề xuất việc hoàn thiện các quy định về các quy định phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự năm 1999, và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn góp phần đấu tranh phòng, chống loại tội phạm nguy hiểm này ở nước ta cũng như trên địa bàn Đắk Lắk.

### ***4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

\* *Về lý luận*: Trên cơ sở nghiên cứu chính sách hình sự của Nhà nước về phạm tội có tổ chức, phân tích khái niệm, các đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển của phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, cũng như so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó làm sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của các quy định về phạm tội có tổ chức.

\* *Về thực tiễn*: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng quy phạm pháp luật hình sự về phạm tội có tổ chức trong thực tiễn điều tra, xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (2009-2014), đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh việc áp dụng pháp luật và trong lập pháp hình sự, từ đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 1999 và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

## **5. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Cơ sở phương pháp luận**

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học cũng như những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

### **5.2. Các phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, phương pháp xã hội học như thống kê, định lượng, định tính... để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

### **6.1. Về mặt lý luận**

Luận văn nghiên cứu, giải quyết một cách tương đối có hệ thống và đầy đủ về những vấn đề lý luận và thực tiễn của các quy định về phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn điều tra, xét xử trong thời gian sáu năm (2009-2014) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đồng thời so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới cũng như công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện các quy định này trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Do đó, luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học, luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như góp phần phục vụ công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

## **6.2. Về mặt thực tiễn**

Thông qua việc phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự, các đặc điểm và bản chất về phương diện lý luận cũng như thực tiễn áp dụng, luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn những điều kiện cụ thể của các trường hợp phạm tội cụ thể trong thực tiễn xét xử, đồng thời đưa ra những kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về phạm tội có tổ chức ở khía cạnh lập pháp, cũng như việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử trên cả nước, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng ở nước ta hiện nay.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Nhận thức chung về phạm tội có tổ chức.

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn đấu tranh chống phạm tội có tổ chức.

*Chương 3:* Những cơ sở và một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự Việt Nam

### **Chương 1**

## **NHẬN THỨC CHUNG VỀ PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC**

### **1.1. Khái niệm và các đặc điểm của phạm tội có tổ chức**

#### **1.1.1. Khái niệm phạm tội có tổ chức**

Về mặt lý luận luật hình sự, còn có nhiều ý kiến khác nhau về bản chất pháp lý của khái niệm phạm tội có tổ chức.

*Loại quan điểm thứ nhất* cho rằng, phạm tội có tổ chức dứt khoát phải là hình thức đồng phạm phức tạp, tức là phải có sự phân công vai trò giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Nếu giữa những kẻ phạm tội đều có vai trò thực hiện tội phạm như nhau thì đó là đồng phạm giản đơn chứ không phải phạm tội có tổ chức.

*Loại quan điểm thứ hai* cho rằng, ở hình thức phạm tội có tổ chức, những người đồng phạm phải phạm nhiều tội hoặc phạm một tội, nhưng nhiều lần và có sự câu kết chặt chẽ với nhau trong một thời gian dài. Theo quan điểm này, phạm vi những vụ đồng phạm có được xác định là phạm tội có tổ chức sẽ quá thu hẹp vì chỉ có một số ít các tổ chức chống chính quyền nhân dân, tổ chức phạm tội khác mới thỏa mãn được điều kiện này. Nếu thực hiện theo quan điểm này, công tác điều tra, truy tố, xét xử sẽ nương nhẹ nhiều trường hợp phạm tội có đầy đủ căn cứ để xác định là hình thức đồng phạm đặc biệt, có tính chất, mức độ nguy hiểm cao cho xã hội, vì vậy sẽ giảm hiệu quả công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm nói riêng.

*Loại quan điểm thứ ba* đồng nhất khái niệm phạm tội có tổ chức với đồng phạm có thông mưu trước. Loại quan điểm này sai lầm ở chỗ đã đồng nhất giữa cái chung là đồng phạm có thông mưu trước với cái riêng là hình thức phạm tội có tổ chức. Thực ra, đồng phạm có thông mưu trước và hình thức phạm tội có tổ chức là hai khái niệm thống nhất nhưng không đồng nhất: phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng kèm theo nó là những dấu hiệu đặc trưng khác. Theo logic hình thức thì ngoại diên của khái niệm phạm tội có tổ chức nằm trong ngoại diên của khái niệm đồng phạm có thông mưu trước. Xét về mức độ tính nguy hiểm cho xã hội, thì phạm tội có tổ chức có mức độ tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn đồng phạm có thông mưu trước.

Phạm tội có tổ chức với tính chất là đồng phạm đặc biệt mà định nghĩa pháp lý của nó được nhà làm luật Việt Nam ghi nhận trong pháp luật hình sự hiện hành. Tuy nhiên phạm tội có tổ chức vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau do sự ghi nhận còn chung chung, chưa làm rõ được sự “câu kết chặt chẽ”. Có quan điểm cho rằng phạm tội có tổ chức là hình thức phạm tội đặc biệt có sự câu kết chặt chẽ của những người cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm hoặc của các thành viên cùng một tổ chức tội phạm. Sự câu kết chặt chẽ của những người đồng phạm chính là đặc điểm chủ yếu nhất nói lên tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn cả của hình

thức đồng phạm này và nó thường có các dấu hiệu đặc trưng riêng về mặt khách quan và chủ quan.

Cũng có quan điểm nhận diện phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm đặc biệt – đó chính là đồng phạm có tổ chức. Tính “có tổ chức” được thể hiện có sự bàn bạc, phân công vai trò người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện hành vi phạm tội, có kỷ luật, có quy ước hoạt động... trước khi thực hiện tội phạm có vạch kết hoạch, có sự tính toán, cân nhắc kỹ càng, có đề ra các tình huống xấu khi xảy ra ... để cùng thống nhất hành động. Theo tính chất tồn tại, phạm tội có tổ chức gồm: phạm tội có tổ chức một lần và phạm tội có tổ chức kéo dài. “Phạm tội có tổ chức một lần (hoặc một số lần) là hình thức phạm tội có tổ chức có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội trong thời gian tương đối ngắn để cùng nhau thực hiện một tội phạm hoặc một số tội phạm”

*Tóm lại phạm tội có tổ chức là một dạng đồng phạm đặc biệt, thể hiện sự nguy hiểm cao bởi một nhóm người có sự cấu kết chặt chẽ thông qua chính cơ cấu tổ chức (băng, nhóm, tổ chức, liên minh ...) và sự bàn bạc, tính toán, phân công, lên kế hoạch nhằm thực hiện tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.*

### **1.1.2. Các đặc điểm của phạm tội có tổ chức**

Nếu xét về tính chất cấu kết cũng như mức độ nguy hiểm cho xã hội thì phạm tội có tổ chức có sự cấu kết chặt chẽ hơn và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn hẳn. Điều này cho thấy: phạm tội có tổ chức luôn là hình thức đồng phạm có thông mưu trước ở mức độ cao. Đồng phạm có tổ chức có những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Nhóm tội phạm trước hết phải có thông mưu trước, nhưng ngoài sự bàn bạc, thỏa thuận trước về việc cùng thực hiện tội phạm, những người đồng phạm thường chuẩn bị thực hiện và che giấu tội phạm một cách kỹ lưỡng với phương pháp, thủ đoạn thường tinh vi, xảo quyệt.

- Nhóm tội phạm được hình thành với phương hướng hoạt động có tính chất lâu dài, bền vững, thường có sự phân công vai trò thực hiện tội

phạm khác nhau giữa những người đồng phạm nhằm thực hiện nhiều tội, phạm tội nhiều lần.

- Nhóm tội phạm ngoài ý đồ phạm tội thống nhất, phải có sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm chịu sự điều hành chung thống nhất, đều thừa nhận và sử dụng nhóm phạm tội như là một công cụ trong hoạt động phạm tội của mình.

## **1.2. Lịch sử hình thành và phát triển những quy định về phạm tội có tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam**

### ***1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985***

Phạm tội có tổ chức được đề cập lần đầu tiên trong Thông tư số 442/TTG ngày 19/11/1955 của Thủ tướng Chính phủ về việc trừng trị một số tội phạm. Trong Thông tư này, phạm tội có chức được gọi là “Cướp đường hay trộm có tổ chức”, “đánh bị thương có tổ chức”. Tuy nhiên, trong thông tư này, thế nào là tính “có tổ chức” lại không được giải thích. Pháp lệnh ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội xâm phạm sở hữu Xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội xâm phạm sở hữu riêng của công dân, trường hợp phạm tội có tổ chức được ghi nhận là một tình tiết tăng nặng định khung hình phạt và không có một định nghĩa cụ thể, rõ ràng nào. Đây là điều gây ra những khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật khi vận dụng hai Pháp lệnh trên vào thực tiễn. Với tình hình thực tế như trên, các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án đã dự thảo Thông tư ngày 16/03/1973 hướng dẫn nhân thức một cách thống nhất về hai Pháp lệnh này. Khái niệm phạm tội có tổ chức được định hướng nhận thức trong thông tư như sau: “Phải xuất phát từ đặc điểm, tình hình phạm tội ở nước ta mà hiểu như thế nào là phạm tội có tổ chức. Đây là một hình thức cộng phạm của hai hay nhiều người trong đó có một số tên cầm đầu hoặc đóng vai trò cầm đầu, cùng bàn bạc trước việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm nào đó, thủ đoạn phạm tội thường là tinh vi, xảo quyệt, vai trò của từng tên phân công giữa bọn chúng có thể không dứt khoát rõ ràng hoặc lợi dụng hay nấp dưới danh nghĩa một tổ chức công khai để bàn bạc

về việc thực hiện một tội phạm, hoặc có khi chúng không bàn bạc nhau trước nhưng do quan hệ công tác hàng ngày nên hiểu ý đồ nhau rồi cùng hành động phạm tội, mặc nhiên cấu kết chặt chẽ. Cần chú ý phân biệt hình thức phạm tội có tổ chức với hình thức cộng phạm thông thường trong đó không có sự bàn bạc, phân công chặt chẽ trước, không có vai trò cầm đầu chủ chốt, thủ đoạn phạm tội đơn giản”.

### ***1.2.2. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985***

Khoản 3 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 1985: “Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm”. Tình tiết phạm tội có tổ chức không những được quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 1985, mà còn được quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại nhiều điều luật trong Bộ luật Hình sự năm 1985.

Bộ luật hình sự năm 1985 khi mới ban hành, chỉ có 29 điều luật quy định phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 1989, đã bổ sung Điều 96a, trong đó tình tiết phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này. Lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 1991, số lượng tình tiết phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt không thay đổi, nhưng đến lần bổ sung, sửa đổi năm 1992, được bổ sung vào 3 điều luật: Điều 174, Điều 221 và Điều 224. Lần sửa đổi, bổ sung năm 1997, phạm tội có tổ chức đã trở thành tình tiết tăng nặng định khung hình phạt của nhiều tội hơn. Ngoài 10 điều luật (Điều 185a, b, c, d, đ, e, g, h, m, n) là các điều thay thế Điều 96a của Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1989, còn có 7 điều mới khác quy định phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt (Điều 112a, 133, 134a, 137a, 156, 221a, 228a). Như vậy, trong Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1997, có tổng cộng 49 điều luật quy định phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Trong một số điều luật cũng có sự sửa đổi về vị trí của tình tiết phạm tội có tổ chức như tình tiết có tổ chức được tách thành một tình tiết riêng quy

định ở điểm a khoản 2 Điều 112; tình tiết có tổ chức từ chỗ được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 224 trong Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1992, được quy định thành tình tiết đầu tiên (điểm a) của khoản 2 Điều này.

Sau khi BLHS năm 1985 ra đời lần đầu tiên quy định định nghĩa pháp lý về “phạm tội có tổ chức”, ngày 16/11/1988 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ra Nghị quyết hướng dẫn bổ sung Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 đã giải thích nội dung của tình tiết “phạm tội có tổ chức”.

### **1.3. Kinh nghiệm một số quốc gia trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức**

#### ***1.3.1. Kinh nghiệm của Liên bang Nga trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức***

Tại khoản 3 và 4 của Điều 35 thuộc phần chung BLHS quy định hai hình thức thể hiện của tội phạm có tổ chức như sau:

Khoản 3. Hành vi phạm tội được coi là thực hiện bởi nhóm người có tổ chức, nếu như nó được thực hiện bởi một nhóm người có cơ cấu bền vững, được thành lập trước nhằm thực hiện một hay một số hành vi phạm tội.

Khoản 4. Hành vi phạm tội được coi là thực hiện bởi liên minh tội phạm (tổ chức tội phạm), nếu như nó được thực hiện bởi nhóm (tổ chức) được tổ chức chặt chẽ, được thành lập để thực hiện tội phạm nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, hoặc là sự liên kết của các nhóm có tổ chức, được thành lập cho mục đích đó.

Tại phần chung của BLHS (Điều 35) đã đưa ra khái niệm nhóm tội phạm có tổ chức và liên minh tội phạm (tổ chức tội phạm). Tại phần riêng (Điều 210) đã tội phạm hóa hành vi: thành lập liên minh tội phạm (tổ chức tội phạm) nhằm thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, lãnh đạo liên minh (tổ chức) đó hoặc sát nhập vào nó những nhánh tội phạm, và thậm chí thành lập liên kết của những người tổ chức, lãnh đạo hoặc đại diện của các nhóm có tổ chức nhằm lập kế hoạch và tạo điều kiện để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Tại Khoản 2 Điều 210 quy định trách nhiệm hình sự đối



với việc tham gia vào liên minh tội phạm (tổ chức tội phạm) hoặc vào liên kết những người tổ chức, lãnh đạo hoặc các đại diện của các nhóm có tổ chức. Thực hiện cũng những hành vi đó bởi người sử dụng vị trí công vụ của mình là cấu thành định tội.

Hành vi thực hiện bởi nhóm có tổ chức là dấu hiệu định tội của 70 hành vi phạm tội. Ngoài ra, theo điểm “B” Điều 63 BLHS, hành vi phạm tội được thực hiện bởi nhóm tội phạm hoặc liên minh tội phạm (tổ chức tội phạm) được coi là tình tiết tăng nặng.

### ***1.3.2. Kinh nghiệm của Trung quốc trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức***

Điều 294 Bộ luật hình sự Trung Quốc lần lượt quy định tội tổ chức, điều khiển, tham gia tổ chức có tính chất xã hội đen; tội nhập cảnh phát triển tổ chức xã hội đen; và tội bao che, dung túng cho tổ chức mang tính chất xã hội đen. Do ba tội phạm này xâm phạm trật tự công cộng trong trật tự quản lý xã hội nên được quy định trong Chương 6 Bộ luật hình sự - Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý xã hội.

a. Tội tổ chức, điều khiển, tham gia tổ chức tội phạm có tính chất xã hội đen.

Theo quy định của đoạn 1 Điều 294 Bộ luật hình sự Trung Quốc, tội tổ chức, điều khiển, tham gia tổ chức có tính chất xã hội đen là hành vi tổ chức, điều khiển, tham gia vào tổ chức có tính chất xã hội đen.

b. Tội nhập cảnh phát triển tổ chức xã hội đen:

Tội nhập cảnh phát triển tổ chức xã hội đen là hành vi của người thuộc tổ chức xã hội đen ở nước ngoài hay nhập cảnh và Trung Quốc để phát triển thành viên của tổ chức này, cũng như hành vi của người thuộc tổ chức xã hội đen thuộc địa phận HongKong, Ma Cao, Đài Loan vào Đại lục phát triển thành viên của tổ chức tội phạm này

c. Tội bao che, dung túng cho tổ chức mang tính chất xã hội đen:

Tội bao che, dung túng cho tổ chức mang tính chất xã hội đen bào gồm hành vi bao che và hành vi dung túng cho tổ chức có tính chất xã hội đen.

## *Chương 2*

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ĐẦU TRANH CHỐNG PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC**

## **2.1. Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tổ chức**

### ***2.1.1. Những quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự hiện hành***

Khái niệm phạm tội có tổ chức đã được quy định trong Khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau: “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*”.

Trường hợp phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng khung hình phạt được nêu trong 78 cấu thành tội phạm được quy định trong phần “Các tội phạm của Bộ luật hình sự Việt Nam” năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngoài việc nhà làm luật quy định tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” là yếu tố định khung hình phạt đối với các tội phạm đã nêu ở trên, thì còn quy định tình tiết này là yếu tố định tội đối với các tội như: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79); tội bạo loạn (Điều 82); tội hoạt động phi (Điều 83).

### ***2.1.2. Văn bản hướng dẫn thi hành các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự hiện hành***

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 16/11/1988 hướng dẫn bổ sung Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 đã giải thích nội dung cụ thể nội dung như sau (Mục I – Phạm tội có tổ chức)

## **2.2. Thực tiễn điều tra, xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### ***2.2.1. Thực tiễn điều tra các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

Qua công tác rà soát, thống kê trong năm 2013 trên địa bàn tỉnh, chưa phát hiện băng nhóm nào hoạt động theo kiểu “*xã hội đen*” như hướng dẫn số 1369/C45-P5, ngày 24/7/2012 của Cục C45 - Bộ Công an.

Những băng nhóm đã bị triệt phá, cũng như đang có biểu hiện hoạt động chỉ là các băng nhóm tội phạm giản đơn, tính tổ chức chưa cao, chưa có sự phân công rõ đối tượng cầm đầu, chỉ huy mà các đối tượng trong nhóm là những mắt xích trong một nhóm tội phạm, thiếu tính bền vững, dễ tan rã...

### ***2.2.2. Thực tiễn xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk***

Về công tác xét xử, trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự Tòa án nhân dân hai cấp đã thực hiện việc xem xét, đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật và tiến hành các hoạt động tố tụng để xác định tội danh và quyết định mức hình phạt theo đúng quy định của pháp luật. Hình phạt mà Tòa án tuyên phạt đối với các bị cáo đảm bảo đúng chính sách hình sự của Nhà nước là nghiêm trị những kẻ chủ mưu, cầm đầu và khoan hồng đối với những người nhất thời phạm tội, thành khẩn khai báo... Đã chú trọng tập trung khắc phục, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót nên về cơ bản việc xét xử các vụ án hình sự đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### **2.3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân làm giảm hiệu quả điều tra, xét xử các vụ án phạm tội có tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

#### ***2.3.1. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân từ pháp luật thực định***

Thực tiễn xét xử cho thấy chưa có quan niệm thống nhất về phạm tội có tổ chức, lẫn lộn giữa hình thức đồng phạm đặc biệt này với các dạng đồng phạm khác, dẫn đến việc định tội danh, định khung hình phạt không chính xác, vi phạm nguyên tắc pháp chế và công bằng trong luật hình sự.

Các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về các tội phạm có dấu hiệu “có tổ chức” chưa đáp ứng được yêu cầu đó. Các quy định của Bộ luật hình sự mới chỉ cho phép đấu tranh chống các tổ chức tội phạm thông qua việc đấu tranh chống các tội phạm do các tổ chức đó thực hiện. Bộ luật hình sự hiện hành chưa tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh trực tiếp và ngăn chặn kịp thời sự hình thành và tồn tại của các tổ chức tội phạm. Vì vậy, Bộ luật hình sự nên có thêm quy định coi những hành vi thành lập, tham gia hoặc hỗ trợ tổ chức có mục đích thực hiện tội phạm là tội phạm. Bộ luật

hình sự không nên chỉ dừng lại ở việc quy định hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm đặc biệt như tổ chức nhằm lật đổ chính quyền dân chủ nhân dân mới là tội phạm.

Trách nhiệm hình sự đối với đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng cũng chưa được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Pháp luật hình sự Việt Nam cũng không có quy định riêng về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức ngoài các quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm. Chính vì thế, các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm cũng chính là những quy định được áp dụng để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức.

### ***2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong điều tra***

- Một số đơn vị Công an phường, xã chưa thực sự coi trọng công tác rà soát băng, nhóm trên địa bàn mình quản lý nên dẫn đến việc phát hiện các băng nhóm tội phạm hoạt động hiện hành còn thấp; chưa làm tốt công tác điều tra cơ bản, sưu tra, nắm chắc tình hình hoạt động tội phạm có tổ chức, do vậy chưa đề ra các biện pháp chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm có tổ chức.

Trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ... còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về đấu tranh tội phạm này gặp không ít khó khăn nhất là việc, thu thập, củng cố tài liệu, chứng cứ để bắt, xử lý các đối tượng cầm đầu nguy hiểm.

- Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trên là: Một số đơn vị địa phương chưa đánh giá đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác nghiệp vụ cơ bản trong đấu tranh chống phạm tội có tổ chức. Có đơn vị do chạy theo vụ việc, chạy theo những vụ án đã xảy ra nên đã buông lỏng công tác nghiệp vụ cơ bản và chính điều này, làm cho công tác đấu tranh chống phạm tội có tổ chức rơi vào thế bị động. Lực lượng điều tra được bố trí đôi khi chưa hợp lý, trình độ một số điều tra viên còn hạn chế. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị nghiệp vụ nhiều trường hợp còn chưa chặt chẽ.

### ***2.3.3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong xét xử***

Do nhận thức về bản chất pháp lý của khái niệm phạm tội có tổ chức còn chưa thống nhất, nên một số Tòa án đã phạm sai lầm khi kết luận đồng phạm có thông mưu trước thông thường là phạm tội có tổ chức hoặc ngược lại vụ án có tổ chức lại kết luận là đồng phạm thông thường. Hoặc có những bản án tuy không có dấu hiệu sai phạm về mặt áp dụng pháp luật, nhưng việc quy định chưa rõ ràng về tình tiết phạm tội có tổ chức tại Khoản 3 Điều 20 phân chung Bộ luật hình sự sẽ cho thấy sự bất hợp lý giữa việc áp dụng pháp luật hình sự vào thực tiễn là chưa phản ánh chính xác được “tính có tổ chức” của vụ án, chưa rõ ràng của sự “câu kết chặt chẽ” theo tinh thần điều luật quy định về phạm tội có tổ chức, cũng như trong nhiều trường hợp chưa phân định rõ được vai trò trong các vụ án phạm tội có tổ chức cho nên việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhiều khi bị đánh đồng, chưa lượng hóa được hình phạt phù hợp với vai trò và các tình tiết của vụ án đối với từng bị can.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do: a) văn bản hướng dẫn thi hành các quy định phạm tội có tổ chức còn chưa rõ ràng; b) trình độ, nhận thức và năng lực xét xử của một số thẩm phán còn hạn chế, một số chánh án chưa nắm nhanh và kịp thời tình hình; c) công tác tổ chức và phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đôi khi chưa thống nhất.

## ***Chương 3***

### **NHỮNG CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

#### **3.1. Những cơ sở hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự Việt Nam**

##### ***3.1.1. Cơ sở pháp lý quốc tế***

Việt Nam đã ký tham gia Công ước Liên hợp quốc về chống tội

phạm xuyên quốc gia vào tháng 12 năm 2000, phê chuẩn công ước này vào ngày 29 tháng 12 năm 2011. Để bảo đảm cam kết của Việt Nam đối với Công ước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước vào ngày 18 tháng 4 năm 2013. Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm xuyên quốc gia mang tính lịch sử cho sự hợp tác chặt chẽ toàn cầu về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Những quốc gia tham gia công ước, trong đó có Việt Nam, có nghĩa vụ tội phạm hoá hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức, tội phạm hoá hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức

### ***3.1.2. Cơ sở thực tiễn quốc tế***

Một nghiên cứu mang tầm quốc tế lớn của Liên Hợp Quốc năm 2002 đối với bốn mươi nhóm tội phạm có tổ chức tại mười sáu quốc gia với nỗ lực phân định hình thức tổ chức khác nhau được sử dụng bởi các nhóm tội phạm có tổ chức trên toàn thế giới đã chỉ ra năm dạng của tổ chức tội phạm, từ các dạng tổ chức truyền thống đến các dạng mới, mạng lưới tổ chức hiện đại trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đó là:

***1. Nhóm hệ thống phân cấp tiêu chuẩn***

***2. Nhóm hệ thống phân cấp khu vực***

***3. Nhóm hệ thống phân cấp liên minh***

***4. Nhóm nòng cốt***

***5. Mạng lưới tội phạm***

### ***3.1.3. Cơ sở pháp lý và thực tiễn của Việt Nam***

Những cơ sở đó là: a) Quyết định số 138/1998/NG-TTG của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm ngày 31/7/1998, trong 04 đề án chính của chương trình thì một đề án được dành riêng cho đấu tranh phòng chống tội phạm có tổ chức; b) Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội tham nhũng, tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu "xã hội đen"; c) Những bất cập trong Bộ luật hình sự về quy định phạm tội có tổ chức; d) Những khó khăn trong công

tác áp dụng trên thực tiễn, trong đó có cả địa bàn tỉnh Đắk Lắk, những quy định về phạm tội có tổ chức.

### **3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự**

#### **3.2.1. Kiến nghị tại phần chung của Bộ luật hình sự**

Điều 19. Tổ chức tội phạm (mới)

##### **Phương án 1:**

1. *Tổ chức tội phạm là nhóm từ ba người trở lên, có tổ chức nhằm thực hiện một trong các tội phạm khủng bố, rửa tiền, buôn bán người, sản xuất và mua bán trái phép chất ma túy và các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác.*

2. *Người thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều (...) của Bộ luật này.*

**Phương án 2:** *Không quy định điều này mà mở rộng khái niệm đồng phạm tại Điều 20.*

##### **Phương án 3:**

1. *Tổ chức tội phạm là một nhóm người có tổ chức hoặc là một liên minh (hợp nhất) của các nhóm người có tổ chức đó, được thành lập dựa trên sự nhất trí và cấu kết chặt chẽ với nhau nhằm mục đích thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hay tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

2. *Người thành lập hay lãnh đạo tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thành lập hay lãnh đạo tổ chức tội phạm trong những trường hợp được quy định tương ứng tại Phần các tội phạm của Bộ luật này quy định riêng.*

3. *Người thành lập hay lãnh đạo tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm do tổ chức đó thực hiện mà không có sự cùng cố ý tham gia của mình.*

4. *Những thành viên khác tham gia tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp được quy định tương ứng tại Phần các tội phạm của Bộ luật này quy định riêng.*

### ***3.2.2. Kiến nghị tại phần các tội phạm của Bộ luật hình sự***

Những hành vi sau cần tội phạm hóa:

- thành lập tổ chức tội phạm hoặc liên minh tội phạm nhằm thực hiện tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;
- lãnh đạo tổ chức tội phạm hoặc liên minh tội phạm đó hoặc sát nhập vào nó những nhánh tội phạm;
- thành lập liên kết của những người tổ chức, lãnh đạo hoặc đại diện của các nhóm có tổ chức nhằm lập kế hoạch và tạo điều kiện để thực hiện tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Ngoài ra cũng cần quy định trách nhiệm hình sự đối với việc tham gia vào tổ chức tội phạm hoặc liên minh tội phạm hoặc vào liên kết những người tổ chức, lãnh đạo hoặc các đại diện của các nhóm có tổ chức. Thực hiện những hành vi đó bởi người sử dụng vị trí công vụ của mình là cấu thành định tội.

Hành vi thực hiện bởi các liên kết tội phạm có tổ chức (nhóm có tổ chức, tổ chức tội phạm, liên minh tội phạm...) là dấu hiệu định khung trong các cấu thành tội phạm tại Phần riêng.

### **3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh chống phạm tội có tổ chức**

#### ***3.3.1. Giải pháp đối với công tác điều tra***

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, điều tra đối với loại tội phạm hoạt động phạm tội có tổ chức, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số mặt công tác trọng tâm sau: a) Tiếp tục tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền chỉ đạo và huy động sức mạnh tổng hợp của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm có tổ chức nói riêng; b) Tiến hành củng cố, tuyển chọn, xây dựng mới cộng tác viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để theo dõi nắm tình hình hoạt động của tội phạm hình sự, đối tượng nghi vấn và đánh vào các băng, ổ nhóm tội phạm đạt hiệu quả; c) Công an tỉnh Đắk Lắk cần thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt là các tội phạm hoạt động theo băng, ổ



nhóm, đối tượng; d) Các đơn vị nghiệp vụ, Trưởng Công an các huyện, thị xã và thành phố tập trung chỉ đạo, quan tâm hơn nữa đến công tác nghiệp vụ cơ bản phục vụ đấu tranh chống tội phạm có tổ chức; e) Rà soát, lên danh sách, dựng các băng, ổ, nhóm tội phạm, nhất là đối tượng người Việt Nam câu kết với người nước ngoài; f) Lãnh đạo Công an các huyện, thị xã và thành phố Buôn Ma Thuột căn cứ vào tình hình của đơn vị mình, bố trí cán bộ chiến sĩ, có trình độ, năng lực nghiệp vụ trực tiếp đảm nhận công tác trinh sát, cũng như cán bộ chuyên trách làm công tác đấu tranh với loại tội phạm có tổ chức.

### ***3.3.2. Giải pháp đối với công tác xét xử***

Tòa án nhân dân tỉnh tiếp tục kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, thẩm phán, cán bộ các Tòa chuyên trách, phòng nghiệp vụ và Tòa án cấp huyện. Cùng với việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, Thẩm phán của Tòa án nhân dân hai cấp, Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh chú trọng quan tâm đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong đối với cán bộ, công chức toàn ngành. Công tác Hội thẩm được lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh chú trọng. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ xét xử án hình sự và trang bị tài liệu, trang phục cho Hội thẩm nhân dân hai cấp. Công tác quản lý kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động của Tòa án nhân dân hai cấp cần được thực hiện tốt. Tiếp tục thực hiện đổi mới thủ tục tranh tụng tại phiên tòa theo hướng thực chất, đảm bảo dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức, các thẩm phán, hội thẩm nhân dân cần chú ý:

- Dù với vai trò nào (người tổ chức, người thực hành, người xúi dục hay người giúp sức) thì tất cả những người trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "phạm tội có tổ chức". Tuy nhiên, mức độ tăng nặng nhiều hay ít đối với từng người còn tùy thuộc vào vai trò của họ trong vụ án như đã phân tích ở trên.

- Đối với vụ án có nhiều người tham gia và bị kết án về nhiều tội khác nhau thì cần phân biệt, tội phạm nào là trường hợp phạm tội có tổ

chức, tội phạm nào chỉ là đồng phạm thông thường không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; bị cáo nào phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” thì mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”.

- Đối với vụ án thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”, nhưng trong đó có người đã tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội và được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm, nhưng hành vi thực tế đã thực hiện của người này có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó không phải chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”, vì tội phạm mà họ định thực hiện tuy có tổ chức nhưng họ đã tự ý chấm dứt, còn tội phạm mà họ bị truy cứu trách nhiệm hình sự là một tội phạm độc lập, không liên quan đến việc “phạm tội có tổ chức”.

Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào vai trò của từng người tham gia vào tội phạm và quy mô của vụ án. Người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm (người tổ chức) mức độ tăng nặng nhiều hơn người giúp sức trong vụ án. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, mức hình phạt của người tổ chức nhất thiết không thể thấp hơn người thực hành, người xúi dục hoặc người giúp sức nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau.